

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 201/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 01 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐỀ	Số: 130
	Ngày: Về việc ban hành Danh sách mã định danh các đơn vị hành chính
	Chuyên: 0572 và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Danh sách mã định danh các đơn vị hành chính
và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Quyết định 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Công văn số 2803/BTTTT-THH ngày 01/10/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành được sử dụng trong các cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 60/TTr-SNV ngày 15 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh sách mã định danh các đơn vị hành chính và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

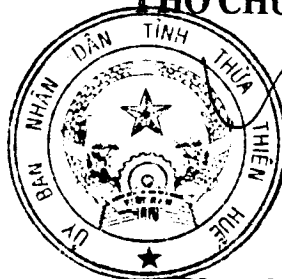
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định mã định danh các đơn vị hành chính và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TT và TT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và CV: DL, TH;
- Lưu: VT, KNNV.

**K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ



**DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
VÀ SỰ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **201/QĐ-UBND** ngày **29** tháng 01 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. NGUYÊN TẮC LẬP KHUNG MÃ ĐỊNH DANH CHUNG

Để thuận tiện trong quản lý, trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành, cần thiết phải xây dựng và thống nhất định danh của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Phương pháp quản lý định danh theo mã kết hợp với tên miền chung là cách sử dụng kết hợp việc đánh mã và tên miền chung phục vụ cho việc trao đổi văn bản điện tử giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành, bảo đảm tính thống nhất và cấu trúc trong việc quản lý.

Mỗi cơ quan sẽ được cấp phát một mã định danh cho hệ thống quản lý văn bản và điều hành để trao đổi văn bản điện tử như sau:

$Z_1Z_2.Y_1Y_2.H57.e-doc.vn$

Trong đó:

- Tên miền e-doc.vn là tên miền chung cho các cơ quan nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý theo Công văn số 2803/BTTTT-THH ngày 01/10/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành được sử dụng trong các cơ quan nhà nước;

- Phân mã $Z_1Z_2.Y_1Y_2.H57$ có 9 ký tự bao gồm các chữ số và các dấu chấm;

- H57 là mã định danh của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp theo Công văn số 2803/BTTTT-THH;

- Y_1Y_2 xác định cơ quan thuộc/trực thuộc UBND tỉnh (cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp - đặc thù trực thuộc UBND tỉnh). Trong đó Y_1, Y_2 là chữ số từ 0 đến 9;

- Z_1Z_2 xác định cơ quan thuộc/trực thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp - đặc thù trực thuộc UBND tỉnh và đơn vị cấp xã. Trong đó Z_1, Z_2 là chữ số từ 0 đến 9.

Phương pháp quản lý định danh theo mã kết hợp với tên miền chung là cơ sở cho việc quản lý định danh các cơ quan tham gia trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng, nhằm bảo đảm hệ thống trung gian có khả năng xác thực các

hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan nhà nước chính xác do có sự thống nhất trong quản lý định danh và địa chỉ IP.

II. PHÂN BỐ CHI TIẾT KHUNG MÃ ĐỊNH DANH CÁC KHỐI ĐƠN VỊ

1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh hoặc tương đương

STT	Tên cơ quan	Mã định danh
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	00.01.H57
2	Văn phòng UBND tỉnh	00.02.H57
3	Sở Công Thương	00.03.H57
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	00.04.H57
5	Sở Giao thông Vận tải	00.05.H57
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	00.06.H57
7	Sở Khoa học và Công nghệ	00.07.H57
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	00.08.H57
9	Sở Ngoại vụ	00.09.H57
10	Sở Nội vụ	00.10.H57
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	00.11.H57
12	Sở Tài chính	00.12.H57
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	00.13.H57
14	Sở Thông tin và Truyền thông	00.14.H57
15	Sở Tư pháp	00.15.H57
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	00.16.H57
17	Sở Xây dựng	00.17.H57
18	Sở Y tế	00.18.H57
19	Thanh tra tỉnh	00.19.H57
20	Ban Dân tộc tỉnh	00.20.H57
21	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh	00.21.H57
22	Ban Quản lý Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	00.22.H57

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Mã định danh
1	UBND huyện A Lưới	00.30.H57
2	UBND huyện Nam Đông	00.31.H57
3	UBND huyện Phong Điền	00.32.H57
4	UBND huyện Phú Lộc	00.33.H57
5	UBND huyện Phú Vang	00.34.H57
6	UBND huyện Quảng Điền	00.35.H57
7	UBND thành phố Huế	00.36.H57
8	UBND thị xã Hương Thủy	00.37.H57
9	UBND thị xã Hương Trà	00.38.H57

3. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh	00.50.H57
2	Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh	00.51.H57
3	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	00.52.H57
4	Nhà Xuất bản Thuận Hóa	00.53.H57
5	Trường Cao đẳng Nghề Thừa Thiên Huế	00.54.H57
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế	00.55.H57
7	Trường Cao đẳng Y tế Huế	00.56.H57
8	Trường Cao đẳng Giao thông Huế	00.57.H57
9	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	00.58.H57
10	Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh	00.59.H57
11	Trung tâm Festival Huế	00.60.H57
12	Viện Quy hoạch và Xây dựng tỉnh	00.61.H57

4. Đơn vị sự nghiệp thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Trung tâm Tin học	01.01.H57

5. Đơn vị sự nghiệp thuộc Văn phòng UBND tỉnh

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Công Thông tin điện tử	01.02.H57
2	Trung tâm Tin học hành chính	02.02.H57
3	Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	03.02.H57

6. Đơn vị trực thuộc Sở Công Thương

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Chi cục Quản lý thị trường	01.03.H57
2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	02.03.H57
3	Trung tâm Tư vấn công nghiệp và Tiết kiệm năng lượng	03.03.H57

7. Đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Trường THPT A Lưới	01.04.H57
2	Trường THPT An Lương Đông	02.04.H57
3	Trường THPT Bình Điền	03.04.H57
4	Trường THPT Bùi Thị Xuân	04.04.H57
5	Trường THPT Cao Thắng	05.04.H57
6	Trường THPT Chi Lăng	06.04.H57
7	Trường THPT Dân lập Trần Hưng Đạo	07.04.H57
8	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh	08.04.H57
9	Trường THPT Đặng Huy Trứ	09.04.H57

10	Trường THPT Đặng Trần Côn	10.04.H57
11	Trường THPT Gia Hội	11.04.H57
12	Trường THPT Hai Bà Trưng	12.04.H57
13	Trường THPT Hóa Châu	13.04.H57
14	Trường THPT Hương Giang	14.04.H57
15	Trường THPT Hương Lâm	15.04.H57
16	Trường THPT Hương Thủy	16.04.H57
17	Trường THPT Hương Trà	17.04.H57
18	Trường THPT Hương Vinh	18.04.H57
19	Trường THPT Nam Đông	19.04.H57
20	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	20.04.H57
21	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	21.04.H57
22	Trường THPT Nguyễn Huệ	22.04.H57
23	Trường THPT Nguyễn Sinh Cung	23.04.H57
24	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	24.04.H57
25	Trường THPT Phan Đăng Lưu	25.04.H57
26	Trường THPT Phong Điền	26.04.H57
27	Trường THPT Phú Lộc	27.04.H57
28	Trường THPT Quốc Học	28.04.H57
29	Trường THPT Tam Giang	29.04.H57
30	Trường THPT Thừa Lưu	30.04.H57
31	Trường THPT Thuận An	31.04.H57
32	Trường THPT Thuận Hóa	32.04.H57
33	Trường THPT Tố Hữu	33.04.H57
34	Trường THPT Trần Văn Ký	34.04.H57
35	Trường THPT Vinh Lộc	35.04.H57
36	Trường THPT Vinh Xuân	36.04.H57
37	Trường THCS & THPT Hà Trung	37.04.H57
38	Trường THCS & THPT Hồng Vân	38.04.H57

39	Trường THCS & THPT Huế Star	39.04.H57
40	Trường THCS DTNT A Lưới	40.04.H57
41	Trường THCS DTNT Nam Đông	41.04.H57
42	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	42.04.H57
43	Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện A Lưới	43.04.H57
44	Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Nam Đông	44.04.H57
45	Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Phong Điền	45.04.H57
46	Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Phú Lộc	46.04.H57
47	Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Phú Vang	47.04.H57
48	Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Quảng Điền	48.04.H57
49	Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Huế	49.04.H57
50	Trung tâm Giáo dục thường xuyên thị xã Hương Thủy	50.04.H57
51	Trung tâm Giáo dục thường xuyên thị xã Hương Trà	51.04.H57
52	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	52.04.H57
53	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp Ngũ Điền	53.04.H57
54	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp Nguyễn Du	54.04.H57
55	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp Phong Điền	55.04.H57
56	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp Phú Vang	56.04.H57
57	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp Quảng Điền	57.04.H57
58	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp Thành Nội	58.04.H57
59	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp thị xã Hương Thủy	59.04.H57
60	Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp thị xã Hương Trà	60.04.H57
61	Trung tâm Giáo dục Năng khiếu Văn Thể Mỹ	61.04.H57
62	Trung tâm Tin học	62.04.H57
63	Trung tâm Y tế học đường	63.04.H57

8. Đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế	01.05.H57

2	Đoạn Quản lý Đường thủy nội địa tỉnh Thừa Thiên Huế	02.05.H57
3	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Thừa Thiên Huế	03.05.H57

9. Đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	01.07.H57
2	Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển	02.07.H57
3	Bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền Trung	03.07.H57
4	Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ	04.07.H57
5	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	05.07.H57

10. Đơn vị trực thuộc Sở Lao động thương binh và xã hội

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.08.H57
2	Trung tâm Dịch vụ việc làm	02.08.H57
3	Trung tâm Bảo trợ xã hội	03.08.H57
4	Trung tâm Nuôi dưỡng và cung cấp dịch vụ công tác xã hội	04.08.H57
5	Trung tâm Bảo trợ trẻ em	05.08.H57
6	Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công	06.08.H57
7	Quỹ Bảo trợ trẻ em	07.08.H57

11. Đơn vị trực thuộc Sở Ngoại vụ

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Trung tâm Dịch vụ Đối ngoại	01.09.H57

12. Đơn vị trực thuộc Sở Nội vụ

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Thi đua - Khen thưởng	01.10.H57
2	Ban Tôn giáo	02.10.H57

3	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	03.10.H57
4	Trung tâm Lưu trữ Lịch sử	04.10.H57

13. Đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	01.11.H57
2	Ban Quản lý Khu bảo tồn Sao La	02.11.H57
3	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền	03.11.H57
4	Ban Quản lý Rừng phòng hộ A Lưới	04.11.H57
5	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Bắc Hải Vân	05.11.H57
6	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Hương Thủy	06.11.H57
7	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Nam Đông	07.11.H57
8	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Sông Bồ	08.11.H57
9	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Sông Hương	09.11.H57
10	Ban Quản lý Cảng cá Thừa Thiên Huế	10.11.H57
11	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	11.11.H57
12	Chi cục Thủy sản	12.11.H57
13	Chi cục Kiểm lâm	13.11.H57
14	Chi cục Phát triển nông thôn	14.11.H57
15	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	15.11.H57
16	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	16.11.H57
17	Chi cục Thủy lợi	17.11.H57
18	Trung tâm Giống	18.11.H57
19	Trung tâm Khuyến nông	19.11.H57
20	Trung tâm Quy hoạch và Thiết kế Nông lâm nghiệp	20.11.H57

14. Đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Chi cục Bảo vệ môi trường	01.13.H57

2	Chi cục Biển, Đảo và Đầm phá	02.13.H57
3	Chi cục Quản lý đất đai	03.13.H57
4	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	04.13.H57
5	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường	05.13.H57
6	Trung tâm Phát triển quỹ đất	06.13.H57
7	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	07.13.H57
8	Văn phòng Đăng ký đất đai	08.13.H57

15. Đơn vị trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	01.14.H57
2	Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử tỉnh	02.14.H57

16. Đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Phòng Công chứng số 1	01.15.H57
2	Phòng Công chứng số 2	02.15.H57
3	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản	03.15.H57
4	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	04.15.H57

17. Đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Bảo tàng Hồ Chí Minh	01.16.H57
2	Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng	02.16.H57
3	Đoàn Bóng đá	03.16.H57
4	Nhà hát Nghệ thuật Ca kịch Huế	04.16.H57
5	Thư viện Tổng hợp tỉnh	05.16.H57
6	Trung tâm Nghệ thuật Lê Bá Đảng	06.16.H57

7	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	07.16.H57
8	Trung tâm Quản lý và Tổ chức biểu diễn ca Huế	08.16.H57
9	Trung tâm Thể thao dưới nước	09.16.H57
10	Trung tâm Thể thao Huế	10.16.H57
11	Trung tâm Thông tin Xúc tiến và Du lịch	11.16.H57
12	Trung tâm Văn hóa Thông tin	12.16.H57
13	Trường Trung cấp Thể dục Thể thao	13.16.H57
14	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	14.16.H57

18. Đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng	01.17.H57

19. Đơn vị trực thuộc Sở Y tế

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Bệnh viện Đa khoa Chân Mây	01.18.H57
2	Bệnh viện Đa khoa Phong Điền	02.18.H57
3	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	03.18.H57
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng	04.18.H57
5	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	05.18.H57
6	Bệnh viện Mắt Huế	06.18.H57
7	Bệnh viện Phong - Da liễu tỉnh	07.18.H57
8	Bệnh viện Răng Hàm Mặt Huế	08.18.H57
9	Bệnh viện Tâm thần Huế	09.18.H57
10	Bệnh viện Y học cổ truyền	10.18.H57
11	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	11.18.H57
12	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	12.18.H57
13	Phòng Bảo vệ sức khỏe cán bộ	13.18.H57

14	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	14.18.H57
15	Trung tâm Giám định Pháp y tâm thần	15.18.H57
16	Trung tâm Giám định Y khoa	16.18.H57
17	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	17.18.H57
18	Trung tâm Pháp y tỉnh	18.18.H57
19	Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS	19.18.H57
20	Trung tâm phòng, chống sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng	20.18.H57
21	Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe	21.18.H57
22	Trung tâm Vận chuyển cấp cứu	22.18.H57
23	Trung tâm Y tế dự phòng	23.18.H57
24	Trung tâm Y tế huyện A Lưới	24.18.H57
25	Trung tâm Y tế huyện Nam Đông	25.18.H57
26	Trung tâm Y tế huyện Phong Điền	26.18.H57
27	Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc	27.18.H57
28	Trung tâm Y tế huyện Phú Vang	28.18.H57
29	Trung tâm Y tế huyện Quảng Điền	29.18.H57
30	Trung tâm Y tế thành phố Huế	30.18.H57
31	Trung tâm Y tế thị xã Hương Thủy	32.18.H57
32	Trung tâm Y tế thị xã Hương Trà	32.18.H57

20. Đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Thừa Thiên Huế	01.21.H57

21. Đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế	01.22.H57
2	Trung tâm Quản lý khai thác hạ tầng Khu kinh tế	02.22.H57

3	Trung tâm Tư vấn đầu tư và Dịch vụ việc làm	03.22.H57
---	---	-----------

22. Đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Quản lý dự án	01.51.H57

23. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện A Lưới

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.30.H57
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.30.H57
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	03.30.H57
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	04.30.H57
5	Phòng Nội vụ	05.30.H57
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	06.30.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.30.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.30.H57
9	Phòng Tư pháp	09.30.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.30.H57
11	Phòng Y tế	11.30.H57
12	Thanh tra	12.30.H57
13	Phòng Dân tộc	13.30.H57

24. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện A Lưới

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng	20.30.H57
2	Đài Truyền thanh - Truyền hình	21.30.H57
3	Hội Chữ thập đỏ	22.30.H57
4	Trạm Khuyến nông	23.30.H57

5	Trung tâm dạy nghề	24.30.H57
6	Trung tâm Phát triển quỹ đất	25.30.H57

25. Các xã thuộc UBND huyện A Lưới

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	A Đót	50.30.H57
2	A Lưới	51.30.H57
3	A Ngo	52.30.H57
4	A Roàng	53.30.H57
5	Bắc Sơn	54.30.H57
6	Đông Sơn	55.30.H57
7	Hồng Bắc	56.30.H57
8	Hồng Hạ	57.30.H57
9	Hồng Kim	58.30.H57
10	Hồng Lâm	59.30.H57
11	Hồng Quảng	60.30.H57
12	Hồng Thái	61.30.H57
13	Hồng Thượng	62.30.H57
14	Hồng Thủy	63.30.H57
15	Hồng Trung	64.30.H57
16	Hồng Vân	65.30.H57
17	Hương Nguyên	66.30.H57
18	Hương Phong	67.30.H57
19	Nhâm	68.30.H57
20	Phú Vinh	69.30.H57
21	Sơn Thủy	70.30.H57

26. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Nam Đông

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.31.H57

2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.31.H57
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	03.31.H57
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	04.31.H57
5	Phòng Nội vụ	05.31.H57
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	06.31.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.31.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.31.H57
9	Phòng Tư pháp	09.31.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.31.H57
11	Phòng Y tế	11.31.H57
12	Thanh tra	12.31.H57
13	Phòng Dân tộc	13.31.H57

27. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Nam Đông

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng	20.31.H57
2	Đài Truyền thanh và trạm thu phát lại truyền hình	21.31.H57
3	Hội Chữ thập đỏ	22.31.H57
4	Trạm Khuyến Nông	23.31.H57
5	Trung tâm Dạy nghề	24.31.H57

28. Các xã thuộc UBND huyện Nam Đông

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Hương Giang	50.31.H57
2	Hương Hòa	51.31.H57
3	Hương Hữu	52.31.H57
4	Hương Lộc	53.31.H57
5	Hương Phú	54.31.H57

6	Hương Sơn	55.31.H57
7	Hương Tre	56.31.H57
8	Thượng Lộ	57.31.H57
9	Thượng Long	58.31.H57
10	Thượng Nhật	59.31.H57
11	Thượng Quảng	60.31.H57

29. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Phong Điền

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.32.H57
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.32.H57
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	03.32.H57
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	04.32.H57
5	Phòng Nội vụ	05.32.H57
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	06.32.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.32.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.32.H57
9	Phòng Tư pháp	09.32.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	01.32.H57
11	Phòng Y tế	11.32.H57
12	Thanh tra	12.32.H57

30. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Phong Điền

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng	20.32.H57
2	Đài Truyền thanh - Truyền hình	21.32.H57
3	Hội Chữ thập đỏ	22.32.H57
4	Trạm Khuyến Nông	23.32.H57
5	Trung tâm Văn hóa thông tin	24.32.H57

31. Các xã thuộc UBND huyện Phong Điền

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Điền Hải	50.32.H57
2	Điền Hòa	51.32.H57
3	Điền Hương	52.32.H57
4	Điền Lộc	53.32.H57
5	Điền Môn	54.32.H57
6	Phong An	55.32.H57
7	Phong Bình	56.32.H57
8	Phong Chương	57.32.H57
9	Phong Điền	58.32.H57
10	Phong Hải	59.32.H57
11	Phong Hiền	60.32.H57
12	Phong Hòa	61.32.H57
13	Phong Mỹ	62.32.H57
14	Phong Sơn	63.32.H57
15	Phong Thu	64.32.H57
16	Phong Xuân	65.32.H57

32. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Phú Lộc

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.33.H57
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.33.H57
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	03.33.H57
4	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	04.33.H57
5	Phòng Nội vụ	05.33.H57
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	06.33.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.33.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.33.H57

9	Phòng Tư pháp	09.33.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.33.H57
11	Phòng Y tế	11.33.H57
12	Thanh tra	12.33.H57

33. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Phú Lộc

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng	20.33.H57
2	Ban Quản lý Nhà văn hóa Đại tướng Lê Đức Anh	21.33.H57
3	Đài Truyền thanh – Truyền hình	22.33.H57
4	Đội Quản lý đô thị	23.33.H57
5	Hội Chữ thập đỏ	24.33.H57
6	Trạm Khuyến Nông	25.33.H57
7	Trung tâm dạy nghề	26.33.H57

34. Các xã thuộc UBND huyện Phú Lộc

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Lăng Cô	50.33.H57
2	Lộc An	51.33.H57
3	Lộc Bình	52.33.H57
4	Lộc Bôn	53.33.H57
5	Lộc Điền	54.33.H57
6	Lộc Hòa	55.33.H57
7	Lộc Sơn	56.33.H57
8	Lộc Thủy	57.33.H57
9	Lộc Tiến	58.33.H57
10	Lộc Trì	59.33.H57
11	Lộc Vĩnh	60.33.H57

12	Phú Lộc	61.33.H57
13	Vinh Giang	62.33.H57
14	Vinh Hải	63.33.H57
15	Vinh Hiền	64.33.H57
16	Vinh Hưng	65.33.H57
17	Vinh Mỹ	66.33.H57
18	Xuân Lộc	67.33.H57

35. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Phú Vang

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.34.H57
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.34.H57
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	03.34.H57
4	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	04.34.H57
5	Phòng Nội vụ	05.34.H57
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	06.34.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.34.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.34.H57
9	Phòng Tư pháp	09.34.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.34.H57
11	Phòng Y tế	11.34.H57
12	Thanh tra	12.34.H57

36. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Phú Vang

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng	20.34.H57
2	Đài Truyền thanh – Truyền hình	21.34.H57
3	Hội Chữ thập đỏ	22.34.H57

4	Trạm Khuyến Nông	23.34.H57
5	Trung tâm Dạy nghề	24.34.H57

37. Các xã thuộc UBND huyện Phú Vang

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Phú An	50.34.H57
2	Phú Diên	51.34.H57
3	Phú Dương	52.34.H57
4	Phú Đa	53.34.H57
5	Phú Hải	54.34.H57
6	Phú Hồ	55.34.H57
7	Phú Lương	56.34.H57
8	Phú Mậu	57.34.H57
9	Phú Mỹ	58.34.H57
10	Phú Thanh	59.34.H57
11	Phú Thuận	60.34.H57
12	Phú Thượng	61.34.H57
13	Phú Xuân	62.34.H57
14	Thuận An	63.34.H57
15	Vinh An	64.34.H57
16	Vinh Hà	65.34.H57
17	Vinh Phú	66.34.H57
18	Vinh Thái	67.34.H57
19	Vinh Thanh	68.34.H57
20	Vinh Xuân	69.34.H57

38. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Quảng Điền

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.35.H57

2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.35.H57
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	03.35.H57
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	04.35.H57
5	Phòng Nội vụ	05.35.H57
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	06.35.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.35.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.35.H57
9	Phòng Tư pháp	09.35.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.35.H57
11	Phòng Y tế	11.35.H57
12	Thanh tra	12.35.H57

39. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Quảng Điền

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng	20.35.H57
2	Đài Truyền thanh – Truyền hình	21.35.H57
3	Hội Chữ thập đỏ	22.35.H57
4	Trạm Khuyến Nông	23.35.H57
5	Trung tâm Văn hóa thông tin	24.35.H57
6	Trường Trung cấp nghề Quảng Điền	25.35.H57

40. Các xã thuộc UBND huyện Quảng Điền

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Quảng An	50.35.H57
2	Quảng Công	51.35.H57
3	Quảng Lợi	52.35.H57
4	Quảng Ngạn	53.35.H57
5	Quảng Phú	54.35.H57
6	Quảng Phước	55.35.H57

7	Quảng Thái	56.35.H57
8	Quảng Thành	57.35.H57
9	Quảng Thọ	58.35.H57
10	Quảng Vinh	59.35.H57
11	Sịa	60.35.H57

41. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Huế

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.36.H57
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.36.H57
3	Phòng Kinh tế	03.36.H57
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	04.36.H57
5	Phòng Nội vụ	05.36.H57
6	Phòng Quản lý đô thị	06.36.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.36.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.36.H57
9	Phòng Tư pháp	09.36.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.36.H57
11	Phòng Y tế	11.36.H57
12	Thanh tra thành phố	12.36.H57

42. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố Huế

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng thành phố Huế	20.36.H57
2	Bảo tàng Văn hóa Huế	21.36.H57
3	Đài Truyền thanh thành phố Huế	22.36.H57
4	Đội Quản lý đô thị thành phố Huế	23.36.H57
5	Hội chữ thập đỏ thành phố Huế	24.36.H57

6	Nhà Thiếu nhi thành phố Huế	25.36.H57
7	Trung tâm Hợp tác quốc tế	26.36.H57
8	Trung tâm Phát triển Cụm Công nghiệp thành phố	27.36.H57
9	Trung tâm TDTT thành phố Huế	28.36.H57
10	Trung tâm Văn hóa thành phố Huế	29.36.H57

43. Các Phường thuộc UBND thành phố Huế

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	An Cựu	50.36.H57
2	An Đông	51.36.H57
3	An Hòa	52.36.H57
4	An Tây	53.36.H57
5	Đúc	54.36.H57
6	Hương Long	55.36.H57
7	Hương Sơ	56.36.H57
8	Kim Long	57.36.H57
9	Phú Bình	58.36.H57
10	Phú Cát	59.36.H57
11	Phú Hậu	60.36.H57
12	Phu Hiệp	61.36.H57
13	Phú Hòa	62.36.H57
14	Phú Hội	63.36.H57
15	Phú Nhuận	64.36.H57
16	Phú Thuận	65.36.H57
17	Phước Vĩnh	66.36.H57
18	Tây Lộc	67.36.H57
19	Thuận Hòa	68.36.H57
20	Thuận Lộc	69.36.H57
21	Thuận Thành	70.36.H57

22	Thủy Biều	71.36.H57
23	Thủy Xuân	72.36.H57
24	Trường An	73.36.H57
25	Vĩnh Ninh	74.36.H57
26	Vỹ Dạ	75.36.H57
27	Xuân Phú	76.36.H57

44. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Hương Thủy

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.37.H57
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.37.H57
3	Phòng Kinh tế	03.37.H57
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	04.37.H57
5	Phòng Nội vụ	05.37.H57
6	Phòng Quản lý đô thị	06.37.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.37.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.37.H57
9	Phòng Tư pháp	09.37.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.37.H57
11	Phòng Y tế	11.37.H57
12	Thanh tra	12.37.H57



45. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thị xã Hương Thủy

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng	20.37.H57
2	Đài Truyền thanh	21.37.H57
3	Đội Quy tắc đô thị	22.37.H57
4	Hội Chữ thập đỏ	23.37.H57

5	Trạm Khuyến Nông	24.37.H57
6	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	25.37.H57

46. Đơn vị phường, xã thuộc UBND thị xã Hương Thủy

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Dương Hòa	50.37.H57
2	Phú Bài	51.37.H57
3	Phú Sơn	52.37.H57
4	Thủy Bằng	53.37.H57
5	Thủy Châu	54.37.H57
6	Thủy Dương	55.37.H57
7	Thủy Lương	56.37.H57
8	Thủy Phù	57.37.H57
9	Thủy Phương	58.37.H57
10	Thủy Tân	59.37.H57
11	Thủy Thanh	60.37.H57
12	Thủy Vân	61.37.H57

47. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Hương Trà

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng HĐND và UBND	01.38.H57
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02.38.H57
3	Phòng Kinh tế	03.38.H57
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	04.38.H57
5	Phòng Nội vụ	05.38.H57
6	Phòng Quản lý đô thị	06.38.H57
7	Phòng Tài chính Kế hoạch	07.38.H57
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	08.38.H57

9	Phòng Tư pháp	09.38.H57
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	10.38.H57
11	Phòng Y tế	11.38.H57
12	Thanh tra	12.38.H57

48. Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thị xã Hương Trà

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban Đầu tư và Xây dựng	20.38.H57
2	Đài Truyền thanh	21.38.H57
3	Đội Quy tắc đô thị	22.38.H57
4	Hội Chữ thập đỏ	23.38.H57
5	Trạm Khuyến Nông	24.38.H57
6	Trung tâm Dạy nghề thị xã	25.38.H57

49. Đơn vị sự phường, xã UBND thị xã Hương Trà

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Bình Điền	50.38.H57
2	Bình Thành	51.38.H57
3	Hải Dương	52.38.H57
4	Hồng Tiến	53.38.H57
5	Hương An	54.38.H57
6	Hương Bình	55.38.H57
7	Hương Chữ	56.38.H57
8	Hương Hồ	57.38.H57
9	Hương Phong	58.38.H57
10	Hương Thọ	59.38.H57
11	Hương Toàn	60.38.H57
12	Hương Vân	61.38.H57

13	Hương Văn	62.38.H57
14	Hương Vinh	63.38.H57
15	Hương Xuân	64.38.H57
16	Tứ Hạ	65.38.H57